**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**MÔN: TOÁN - LỚP 3**

**BÀI: TÌM SỐ BỊ CHIA, TÌM SỐ CHIA**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

 **-** Giao tiếp toán học: Biết tên gọi của các thành phần trong phép chia. Vận dụng vào giải toán đơn giản.

 **-** Tư duy và lập luận toán học: Tìm được số bị chia, số chia.

 **-** Sử dụng công cụ, phương tiện toán học: Tìm được số bị chia, số cho trên các khối lập phương.

 **-** Giải quyết vấn đề toán học: Dựa vào quan hệ nhân chia, các bảng nhân chia, quy tắc để tìm số bị chia, số chia

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Sách Toán lớp 3; bộ thiết bị dạy toán; bảng phụ, bảng nhóm; 12 khối lập phương

- HS: Sách học sinh, vở bài tập; bộ thiết bị học toán; viết chì, bảng con

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động Khởi động: (5 phút)**a. Mục tiêu: Tạo cảm xúc vui tươi, kết nối với chủ đề bài học.b. Phương pháp, hình thức tổ chức: PP vấn đáp, quan sát, hoạt động cả lớp |
| - GV tổ chức trò chơi *truyền điện*: Đọc và viết phép tính nhân và chia vào bảng con ( bạn trước đọc phép tính nhân, bạn sau đọc phép tính chia.)- GV giữ lại ba bảng- Gv che số, vẽ mũi tên và hỏi:+ Tay che số mấy? + Đọc phép tính để tìm 12 - Vẽ mũi tên+ Tay che số mấy? + Đọc phép tính để tìm 6- Vẽ mũi tên- GV nhận xét, đánh giá và dẫn dắt HS vào nội dung bài học – Ghi đâu bài lên bảng | - HS tham gia chơi- HS trả lời+ 12+ 2 x 6 = 12+ 6+ 12 : 2 = 6- HS lắng nghe, mở vở ghi bài. |
| **2. Hoạt động Kiến tạo tri thức mới**  |
| **2.1 Hoạt động 1 ( 15 phút): Khám phá**a. Mục tiêu: Biết tên gọi của các thành phần trong phép chia. Biết tìm số bị chia, số chia chưa biết.b. Phương pháp, hình thức tổ chức: PP vấn đáp, quan sát, đặt và giải quyết vấn đề. Hoạt động cả lớp |
| **Việc 1: Giới thiệu cách tìm số bị chia**- GV vừa viết lên bảng vừa hỏi+ Ta đang tìm thành phần nào trong phép chia? Ta làm thế nào? + 2 và 6 lần lượt có tên gọi là gì trong phép chia?+ Muốn tìm số bị chia ta làm thế nào?- GVKL: Muốn tìm số bị chia ta lấy thương nhân với số chia.- Yêu cầu HS nhắc lại **Việc 2: Giới thiệu cách tìm số chia****Tương tự như tìm số bị chia**- GV vừa viết lên bảng vừa hỏi 12 : ? = 2+ Ta đang tìm thành phần nào trong phép chia? Ta làm thế nào? + 12 và 2 lần lượt có tên gọi là gì trong phép chia?+ Muốn tìm số chia ta làm thế nào?- GVKL: Muốn tìm số chia ta lấy số bị chia chia cho thương- Yêu cầu HS nhắc lại  | - HS trả lời+ Số bị chia. 2 x 6+ 2 gọi là thương, 6 gọi là số chia+ lấy thương nhân với số chia- 3 HS nhắc lại. cả lớp đồng thanh+ Số bị chia. 12 : 2+ 12 là số bị chia, 2 là thương+ lấy số bị chia chia cho thương- 3 HS nhắc lại. cả lớp đồng thanh |
| **2.2 Hoạt động 2 (15 phút): Thực hành**a. Mục tiêu: Củng cố kỹ năng tìm số bị chia, số trừ chưa biết. Rèn kỹ năng tính nhẩm.b. Phương pháp, hình thức tổ chức: PP vấn đáp, quan sát, đặt và giải quyết vấn đề. Hoạt động cá nhân – cặp - cả lớp |
| **Bài 1:**- Yêu cầu HS xác định tên thành phần và kết quả của từng phép tính trước khi tính.- Gợi ý làm bài: + câu a,b có đặc điểm chung là gì?+ Muốn tìm số bị chia ta làm thế nào?- GV nhận xét, tuyên dương**Bài 2:**- Thực hiện tương tự như bài tập 1- Yêu cầu HS xác định tên thành phần và kết quả của từng phép tính trước khi tính.- Gợi ý làm bài: + câu a,b có đặc điểm chung là gì?+ Muốn tìm số bị chia ta làm thế nào?- GV nhận xét, tuyên dương | + Số bị chia chưa biết+ Muốn tìm số bị chia ta lấy thương nhân với số chia- HS làm cá nhân - Chia sẻ cặp đôi - Chia sẻ kết quả trước lớp+ Số chia chưa biết+ Muốn tìm số chia ta lấy số bị chia chia cho thương.- HS làm cá nhân - Chia sẻ cặp đôi - Chia sẻ kết quả trước lớp |
| **\* Hoạt động nối tiếp: (5 phút)**a. Mục tiêu: HS ôn lại những kiến thức, kĩ năng đã học, chuẩn bị bài cho tiết sau.b. Phương pháp, hình thức tổ chức: vấn đáp, trò chơi, hoạt động cả lớp |
| - GV tổ chức cho HS chơi “ Đố vui” A: Đố bạn, đố bạnCả lớp: Đố gì? Đố gì?A: Mấy chia 5 bằng 2? Mời bạn B.B: 2 x 5 = 10, vayak 10 : 5 = 2( Nếu B đáp đúng thì tiếp tục đố bạn. Nếu B đáp sai thì mất lượt. GV chọn HS khác) - GV nhận xét tiết học và dặn dò chuẩn bị tiết học sau. | - HS tham gia chơi- Lắng nghe |

 **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**MÔN: TOÁN - LỚP 3**

**BÀI: EM LÀM ĐƯỢC NHỮNG GÌ (TIẾT 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

 **-** Giao tiếp toán học: HS biết tìm một thành phần chưa biết của phép tính. Biết giá trị chữ số theo hàng, cấu tạo số, làm tròn, ước lượng, số liền trước, số liền sau.. Rèn kĩ năng tìm thành phần chưa biết trong bài toán

 **-** Tư duy và lập luận toán học: Thực hiện được cộng, trừ trong phạm vi 1000 (nhẩm, viết). Biết làm tính nhân (chia)

 **-** Sử dụng công cụ, phương tiện toán học: Biết sử dụng sơ đồ tách gộp, tranh ảnh để giải các bài toán liên quan

 **-** Giải quyết vấn đề toán học: Giải quyết vấn đề đơn giản liên quan đến ý nghĩa phép nhân, phép chia, quan hệ giữa phép nhân và phép chia

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Sách Toán lớp 3; bộ thiết bị dạy toán; bảng phụ, bảng nhóm; hình vẽ bài tập 7, 8

- HS: Sách học sinh, vở bài tập; bộ thiết bị học toán; viết chì, bảng con

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động Khởi động: (5 phút)**a. Mục tiêu: Tạo cảm xúc vui tươi, kết nối với chủ đề bài học.b. Phương pháp, hình thức tổ chức: PP vấn đáp, quan sát, hoạt động cả lớp |
| - GV tổ chức trò chơi Đố bạn:+ Tám trăm năm mươi bảy gồm mấy trăm, mấy chục và mấy đơn vị?+ Gộp 800, 50 và 7 được số nào?- GV nhận xét, đánh giá và dẫn dắt HS vào nội dung bài học – Ghi đâu bài lên bảng | - HS tham gia chơi+ 857 gồm 8 trăm, 5 chục và 7 đơn vị+ Được 857- HS lắng nghe, mở vở ghi bài. |
| **2. Hoạt động Luyện tập** |
| a. Mục tiêu: Ôn tập giá trị chữ số theo hàng, cấu tạo số, Số liền trước, liền sau. Thực hiện được cộng trừ trong phạm vi 1000. Tìm thành phần trong phép cộng, trừ. Biết giải bài toán liên quan đến biểu thị sơ đồ đoạn thẳng.b. Phương pháp, hình thức tổ chức: PP vấn đáp, quan sát, đặt và giải quyết vấn đề. Hoạt động cá nhân – cặp đôi - cả lớp |
| **Bài 1: Cá nhân – Cả lớp**- Yêu cầu HS đọc yêu cầu bài.- Yêu cầu HS viết Đ/S vào bảng con. - Nhận xét, Tuyên dương**Bài 2: Cặp đôi – Cả lớp****Bài 3: Cá nhân – cả lớp**- Yêu cầu HS đọc yêu cầu bài.*+ Yêu cầu của bài là gì?*- Yêu cầu HS dưới lớp làm bảng con, 3 bạn lên bảng mỗi HS làm 1 phép tính- Nhận xét, đánh giá.**Bài 4: (Cá nhân - Cặp - Lớp)***+ Yêu cầu của bài là gì?**+ Tìm thế nào?**+ Muốn Tìm số hạng chưa biết ta làm như thế nào?**+ Muốn tìm số trừ ta làm như thế nào?**+ Muốn tìm số bị trừ ta làm thế nào?***Bài 5:**-GV gọi HS đọc bài tập -GV cùng lớp phân tích đề và tóm tắt đề : Bài toán cho biết gì bài toán hỏi gì?-GVcho HS làm vào vở -GV cho HS trình bày -GV cùng lớp nhận xét sửa sai, kết luận: Chọn phép cộng vì hỏi tất cả thì phải gộp. Chọn phép tính trừ vì hỏi chênh lệch vì phải tách. | - HS suy nghĩ làm bài cá nhân, chia sẻ cả lớp.a) Đ b) S c) S- Học sinh làm bài cá nhân.- Đổi kiểm tra chéo, nhận xét.- Chia sẻ kết quả trước lớp. Nói cách làm*+ Đặt tính rồi tính.*- cả lớp làm bảng con.- Nhận xét bài làm trên bảnga) 547; b) 387; c) 334*+ Số?**+ Tìm thành phần chưa biết của phép tính cộng và trừ**+ Muốn tìm số hạng chưa biết ta lấy tổng trừ đi số hạng kia**+ Muốn tìm số bị trừ ta lấy số bị trừ trừ đi hiệu.**+ Muốn tìm số bị trừ, ta lấy hiệu cộng với số trừ.*- HS làm cá nhân - Chia sẻ cặp đôi - Chia sẻ kết quả trước lớpA) GiảiCó tất cả số con gà và con vịt là: 61 + 97 = 158 (con) Đáp số: 158 conb) GiảiSố con vịt nhiều hơn số con gà là: 97 – 61 = 36 (con) Đáp số: 36 con |
| **3. Hoạt động nối tiếp: (5 phút)**a. Mục tiêu: HS ôn lại những kiến thức, kĩ năng đã học, chuẩn bị bài cho tiết sau.b. Phương pháp, hình thức tổ chức: vấn đáp, trò chơi, hoạt động cả lớp |
| - GV tổ chức cho HS truyền điệnGiáo viên ghi bảng yêu cầu HS đọc nối tiếp các số liền sau: 178; 596; 683; 277; 354; 946; 105; 215; 664; 355.- GV nhận xét tiết học và dặn dò chuẩn bị tiết học sau. | - HS tham gia chơi- Lắng nghe |

 **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**MÔN: TOÁN - LỚP 3**

**BÀI: EM LÀM ĐƯỢC NHỮNG GÌ (TIẾT 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

 **-** Giao tiếp toán học: HS biết tìm một thành phần chưa biết của phép tính. Biết giá trị chữ số theo hàng, cấu tạo số, làm tròn, ước lượng, số liền trước, số liền sau.. Rèn kĩ năng tìm thành phần chưa biết trong bài toán

 **-** Tư duy và lập luận toán học: Thực hiện được cộng, trừ trong phạm vi 1000 (nhẩm, viết). Biết làm tính nhân (chia)

 **-** Sử dụng công cụ, phương tiện toán học: Biết sử dụng sơ đồ tách gộp, tranh ảnh để giải các bài toán liên quan

 **-** Giải quyết vấn đề toán học: Giải quyết vấn đề đơn giản liên quan đến ý nghĩa phép nhân, phép chia, quan hệ giữa phép nhân và phép chia

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Sách Toán lớp 3; bộ thiết bị dạy toán; bảng phụ, bảng nhóm; hình vẽ bài tập 7, 8

- HS: Sách học sinh, vở bài tập; bộ thiết bị học toán; viết chì, bảng con

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động Khởi động: (5 phút)**a. Mục tiêu: Tạo cảm xúc vui tươi, kết nối với chủ đề bài học.b. Phương pháp, hình thức tổ chức: PP vấn đáp, quan sát, hoạt động cả lớp |
| - GV tổ chức trò chơi *Làm nhanh làm đúng*- Nhận xét, tuyên dương những em làm đúng và nhanh nhất.+ Nêu thứ tự các hàng (từ trái sang phải) trong số có 3 chữ số?- Giới thiệu bài mới, ghi đầu bài lên bảng | - Viết các số sau dưới dạng tổng các trăm, các chục, các đơn vị: 659; 708; 910 - 3 dãy làm 3 câu. - HS lắng nghe. |
| **2. Hoạt động Luyện tập** |
| a. Mục tiêu: Ôn tập giá trị chữ số theo hàng, cấu tạo số, ước lượng. Thực hiện được cộng trừ trong phạm vi 1000. b. Phương pháp, hình thức tổ chức: PP vấn đáp, quan sát, đặt và giải quyết vấn đề. Hoạt động cá nhân – cặp đôi - cả lớp |
| **Bài 6: Cặp đôi – Cả lớp**- Yêu cầu HS đọc bài tập.**Bài 7: Cặp đôi – cả lớp**- Yêu cầu HS đọc yêu cầu bài.*+ Yêu cầu của bài là gì?**+ Mỗi thẻ có bao nhiêu chấm tròn?(2)**+ Thẻ 2 chấm tròn được lấy mấy lần?(10)*- Từ gợi ý trên em hãy viết vào bảng con 1 phép nhân và viết một phép chia tương ứng.- Nhận xét, đánh giá.**Bài 8: (Cặp - Lớp)**- Yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi đưa ra kết quả- GV khuyến khích hS vừa nói vừa thao tác trên hình vẽ được GV treo trên bảng lớp.- GV nhận xét tuyên dương | - Học sinh làm bài cá nhân.- Đổi kiểm tra chéo, nhận xét.- Chia sẻ kết quả trước lớp. Nói cách làm- Học sinh làm bài cá nhân.- Đổi kiểm tra chéo, nhận xét.- Chia sẻ kết quả trước lớp. Nói cách làm+ 2 x 10 = 20 ; 20 : 2 = 10 hoặc 20 : 10 = 2- HS thảo luận. Chia sẻ nhóm đôi, cả lớp.- Có khảng 50 con gà, đếm được 47 con. |
| **3. Hoạt động vận dụng (5 phút)**a. Mục tiêu: HS ôn lại những kiến thức, kĩ năng đã học, chuẩn bị bài cho tiết sau.b. Phương pháp, hình thức tổ chức: vấn đáp, trò chơi, hoạt động cả lớp |
| **Hoạt động 1: Vui học**- Yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 trao đổi tìm ra kết quả**Hoạt động 2: Thử thách**- Yêu cầu HS đọc thử thách- Mời 1 HS vừa trình bày vừa thao tác trên hình Gv treo trên bảng lớp. Nhận xét**Hoạt động nối tiếp**- GV nhận xét tiết học và dặn dò chuẩn bị tiết học sau. | - Xếp đều 12 con vịt lên xe, mỗi xe 2 con (Chia đều 12 con vịt, mỗi xe 2 con) Thực hiện phép chia: 12 : 2 = 6 xe- HS suy nghĩ chia sẻ cặp, cả lớp- Lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**MÔN: TOÁN - LỚP 3**

**BÀI: MI – LI – MET (T1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

 **-** Giao tiếp toán học: Biết tên gọi, kí hiệu, cách đọc, cách viết, độ lớn của đơn vị đo độ dài mi – li - mét. Vận dụng vào giải toán đơn giản.

 **-** Tư duy và lập luận toán học: Nhận biết được đơn vị đo độ dài mi – li - mét. Thực hiện được việc ước lượng và đo dộ dài bằng thước có chia vạch mi – li - met

 **-** Sử dụng công cụ, phương tiện toán học: Tìm được số bị chia, số cho trên các khối lập phương.

 **-** Giải quyết vấn đề toán học: Giải quyết vấn đề đơn giản liên quan đến các đơn vị đo độ dài. Sử dụng mối quan hệ giữa các đơn vị mi – li – mét và đề - xi – mét, mi – li – mét và xăng – ti – mét để chuyển đổi đơn vị đo.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Sách Toán lớp 3; bộ thiết bị dạy toán; thước có chia vạch đến mi – li – mét, các mảnh giấy thực hành 1.

- HS: Sách học sinh, vở bài tập; bộ thiết bị học toán; viết chì, bảng con, thước có chia vạch đến mi – li – mét.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động Khởi động: (5 phút)**a. Mục tiêu: Tạo cảm xúc vui tươi, kết nối với chủ đề bài học.b. Phương pháp, hình thức tổ chức: PP vấn đáp, quan sát, hoạt động cả lớp |
| - GV tổ chức trò chơi Đố bạn: GV cho lớp trưởng điều khiển cho HS chơi trị chơi đọc hỏi – đáp về đề - xi - mét.+ Đề - xi – mét là đơn vị gì?+ Đề - xi – mét viết tắt như thế nào?1 dm = … cm ; 10cm = … dm- GV nhận xét, đánh giá và dẫn dắt HS vào nội dung bài học – Ghi đâu bài lên bảng. Hs nhắc lại tên bài. | - HS tham gia chơi+ Đề - xi – mét là đơn vị đo độ dài.+ Đề - xi – mét viết tắt là: dm. 1 dm = 10 cm ; 10cm = 1 dm- HS lắng nghe. |
| **2. Hoạt động Kiến tạo tri thức mới**  |
| **2.1 Hoạt động 1 ( 20 phút): Khám phá**a. Mục tiêu: Giúp HS biết được tên gọi, kí hiệu và độ lớn của đơn vị đo độ dài là milimet (mm). b. Phương pháp, hình thức tổ chức: PP vấn đáp, quan sát, động não, đặt và giải quyết vấn đề. Hoạt động cả lớp |
| **Việc 1: Nhu cầu xuất hiện đơn vị đo****-** GV phát cho HS các mảnh giấy như bài học. Yêu cầu HS chọn đơn vị đo cho phù hợp.- GV giải thích:+ Đo theo đơn vị cm có mảnh giấy quá ngắn hoặc quá bé, có thể gần bằng 1cm hoặc dài hơn 3m;…+ Đo bằng lòng bàn tay hay ngón tay sẽ không thể biết được số đo chính xác vì tay của mỗi người là khác nhau.GVKL: Muốn đo được độ dài các đồ vạt này phải sử dụng một đơn vị đo bé hơn xăng – ti – mét để thuận tiện khi đo. Đó chính là đơn vị đo mi – li – mét **Việc 2: Giới thiệu đơn vị mi – li – mét**GV nói: - Tên gọi: Đơn vị đo mới đó chính là mi – li – mét.- Mi – li – mét là một đơn vị đo độ dài- Kí hiệu: viết tắt là mm, đọc là mi - li – mét.- Yêu cầu HS nhắc lại- GV viết số đo 1 mm lên bảng. + Em nhận xét cách viết trên? - Yêu cầu HS viết bảng con: 1mm và đọc đồng thanh.- GV đọc cho HS viết thêm vào bảng con: 5 mm; 10 mm; 15 mm, …- Yêu cầu HS quan sát thước có chia vạch mi - li – mét và hỏi.+ Độ dài 1cm từ vạch 0 đến 1 được chia thành bao nhiêu phần bằng nhau?-GV nói: Độ dài của 1 phần là 1 mmH : 1 cm = … mm ; 10 mm =…cm - Cho HS quan sát hình ở SGK và đọc, viết1 cm = 10 mm ; 1m = 10 cm**Việc 3: Giới thiệu cách đo độ dài bằng thước.**GV hướng dẫn:- Cầm thước: Các số ở phía trên, Số 0 phía ngoài cùng, bên trái.- Đặt thước: Vạch 0 của thước trùng với một đầu của mảnh giấy. Mép thước sát mép mảnh giấy. (Luôn kiểm tra xem đặt đúng thước theo hai yêu cầu trên không).- Đọc số đo: Đầu còn lại cảu mảnh giấy trùng với vạch nào trên thước thì đọc số đo theo vạch đó.- Viết số đo. | - HS đưa ra ý kiến. VD cm, tay- HS lắng nghe- 3 HS nhắc lại. cả lớp đồng thanh- HS nhận xét.+ Viết số 1 cách một nửa con chữ o viết hai chữ mm- HS viết bảng con. Đọc: một mi – li – mét. - HS quan sát+ 10 phần1 cm = 10 mm ; 10 m = 1 cm - HS lắng nghe  |
| **2.2 Hoạt động 2 (10 phút): Thực hành**a. Mục tiêu: Nhận biết độ lớn của 1mmb. Phương pháp, hình thức tổ chức: PP vấn đáp, quan sát, đặt và giải quyết vấn đề. Hoạt động cá nhân – cặp - cả lớp |
| **Bài 1:**- HS đọc yêu cầu bài.- GV cho HS thảo luận cặpa)n GV lưu ý HS đặt thước đo sao cho vạch 0 của thước trùng với một đầu của mảnh giấy, mép thước sát mép mảnh giấy.- GV cho HS trình bày kết quả- GV cùng lớp nhận xét tuyên dương  | - Lớp đọc thầm.a) HS thực hành đo  |
| **\* Hoạt động nối tiếp: (5 phút)**a. Mục tiêu: HS ôn lại những kiến thức, kĩ năng đã học, chuẩn bị bài cho tiết sau.b. Phương pháp, hình thức tổ chức: vấn đáp, hoạt động cả lớp |
| - GV viết số đo với đơn vị đo mi-li-mét - GV nhận xét tiết học và dặn dò chuẩn bị tiết học sau. | - HS đọc- Lắng nghe |

 **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**MÔN: TOÁN - LỚP 3**

**BÀI: MI – LI – MET (T2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

 **-** Giao tiếp toán học: Biết tên gọi, kí hiệu, cách đọc, cách viết, độ lớn của đơn vị đo độ dài mi – li - mét. Vận dụng vào giải toán đơn giản.

 **-** Tư duy và lập luận toán học: Nhận biết được đơn vị đo độ dài mi – li - mét. Thực hiện được việc ước lượng và đo dộ dài bằng thước có chia vạch mi – li - met

 **-** Sử dụng công cụ, phương tiện toán học: Tìm được số bị chia, số cho trên các khối lập phương.

 **-** Giải quyết vấn đề toán học: Giải quyết vấn đề đơn giản liên quan đến các đơn vị đo độ dài. Sử dụng mối quan hệ giữa các đơn vị mi – li – mét và đề - xi – mét, mi – li – mét và xăng – ti – mét để chuyển đổi đơn vị đo.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Sách Toán lớp 3; bộ thiết bị dạy toán; thước có chia vạch đến mi – li – mét, các mảnh giấy thực hành 1.

- HS: Sách học sinh, vở bài tập; bộ thiết bị học toán; viết chì, bảng con, thước có chia vạch đến mi – li – mét.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động Khởi động: (5 phút)**a. Mục tiêu: Tạo cảm xúc vui tươi, kết nối với chủ đề bài học.b. Phương pháp, hình thức tổ chức: PP vấn đáp, quan sát, hoạt động cả lớp |
| - GV tổ chức trò chơi Đố bạn: GV cho lớp trưởng điều khiển cho HS chơi trị chơi đọc hỏi – đáp về đề - xi - mét.+ Mi - li – mét là đơn vị gì?+ Mi - li – mét viết tắt như thế nào?1 cm = … mm ; 10 mm =…cm - GV nhận xét, đánh giá và dẫn dắt HS vào nội dung bài học – Ghi đâu bài lên bảng. Hs nhắc lại tên bài. | - HS tham gia chơi+ Mi - li – mét là đơn vị đo độ dài.+ Mi - li – mét viết tắt: mm. 1 cm = 10 mm ; 10cm = 1 dm- HS lắng nghe. |
| **2. Hoạt động Kiến tạo tri thức mới**  |
| **2.1 Hoạt động 1 ( 20 phút): Khám phá**a. Mục tiêu: Biết mối quan hệ giữa đơn vị mi – li - mét và đơn vị đo độ dài: xăng ti mét, mét, đề - xi – mét . Biết ước lượng độ dài theo đơn vị cm, mm trong một số trường hợp đơn giản.b. Phương pháp, hình thức tổ chức: PP vấn đáp, quan sát, động não, đặt và giải quyết vấn đề. Hoạt động cả lớp |
| **-** GV yêu cầu HS quan sát thước có chia vạch đến mi – li – mét. Hỏi:+ 1 dm = …cm; 1 dm = …mm 1 m = …dm; 1 m = ….mm- GV yêu cầu HS trình bày. Nhận xét- GV cho HS mở SGK trang 22, cùng đếm theo hình vẽ10, 20, 30, …, 100 mi – li – mét 🡪 1 dm = 100mm100, 200, 300, …, 1000 mi – li – mét 🡪 1 m = 1000mmGV kết luận:1 dm = 10 cm; 1 dm = 100 mm1 m = 10 dm; 1 m = 1000 mm | - HS thảo luận đưa ra ý kiến.- HS đếm - HS nhận xét.- HS nhắc lại. |
| **2.2 Hoạt động 2 (10 phút): Thực hành**a. Mục tiêu: Biết ước lượng độ dài theo đơn vị cm, mm trong một số trường hợp đơn giản. Vận dụng kiến thức vừa học làm các bài toán liên quan.b. Phương pháp, hình thức tổ chức: PP vấn đáp, quan sát, đặt và giải quyết vấn đề. Hoạt động cá nhân – cặp - cả lớp |
| **Bài 1:**- HS đọc yêu cầu bài.+ Yêu cầu của bài?+ Tìm thế nào? - GV cho HS chơi trò tiếp sức để sửa bài.- GV cùng lớp nhận xét tuyên dương **Bài 2:**- HS đọc yêu cầu bài.+ Yêu cầu của bài?+ Tìm thế nào? - GV cho HS làm bảng con.- Mời HS trình bày, nêu cách thực hiện- GV cùng lớp nhận xét tuyên dương **Bài 3:**- HS đọc yêu cầu bài.- GV giúp HS xác định độ lớn của 1 mm, 1 cm, 1 dm, 1 m.VD: Chiếc bút chì dài khoảng 15..?..Nếu 15 mm tức là 1 cm và 5 mm, các em nhìn khoảng cách 15 mm trên câu thước quá ngắn không thể cầm để viết được. Nếu 15 cm: Khoảng 1 gang tay, hợp lí. Vậy chọn 15 cm. Tương tự như vậy yêu cầu HS thực hiệnMời HS trình bày, nêu cách thực hiện- GV cùng lớp nhận xét tuyên dương **Bài 4**- HS đọc yêu cầu bài.+ Yêu cầu của bài?+ Tìm thế nào? - Yêu cầu HS chọn từ viết ra bảng con.- Mời HS trình bày và giải thích- GV nhận xét, tuyên dương | - Lớp đọc thầm.+ Số?+ Chuyển đổi đơn vịa) 1cm = 10 mm 5 cm = 50 mmb) 30 mm = 3 cm 80 mm = 8 cm+ Số?+ chuyển đổi đơn vị rồi tính+ 2 HS lên bảng làm. Cả lớp làm bảng con.- HS nhận xét.- Lớp đọc thầm.+ HS thực hiện- Lớp đọc thầm.+ So sánh chiều dài con kiến với 1 cm.+ Ước lượng rồi đo- Viết bảng con |
| **\* Hoạt động nối tiếp: (5 phút)**a. Mục tiêu: HS ôn lại những kiến thức, kĩ năng đã học, chuẩn bị bài cho tiết sau.b. Phương pháp, hình thức tổ chức: vấn đáp, hoạt động cả lớp |
| - GV viết số đo với đơn vị m, dm, cm lên bảng. Yêu cầu HS chuyển đổi đơn vị sang mi-li-mét.VD 1 m = … mm; 3 dm = …mm; 5cm = ….mm- Mời HS trình bày nhận xét- GV nhận xét tiết học và dặn dò chuẩn bị tiết học sau. | - HS Viết bảng con- HS nhận xét- Lắng nghe |

 **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................